

## **ĐỊA VỊ CỦA PHỤ NỮ TRONG PHẬT GIÁO**

Tác Giả : Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

Thái độ xã hội đối với phụ nữ đã được đánh dấu bởi sự kỳ thị hậu thuẫn bởi thành kiến và ảnh hưởng tôn giáo. Cho nên, kỳ thị phụ nữ chắc chắn là nét chung của tất cả các xã hội. Thành kiến và trở ngại phải đương đầu của người phụ nữ đều tương tự giống nhau tại Phi Châu, Á Châu, Mỹ Châu hay Âu Châu. Đó là một sự làm cho bất lực đặc biệt mà người phụ nữ phải ném trái cân bản của nó là thành kiến tôn giáo. Khái niệm về sự bất lực cơ bản của phụ nữ bắt nguồn từ tôn giáo. Ở đây, người phụ nữ được mô tả là người đàn bà quỵến rũ, và mọi người luôn được cảnh cáo phải đề phòng họ trong hầu hết các tôn giáo trên thế giới.

Một số thành kiến xã hội căn cứ vào tín ngưỡng bình dân. Theo một số huyền thoại tôn giáo, người đàn ông được giới thiệu là con của Thượng Đế. Điều lạ lùng là người đàn bà không bao giờ được ban cho địa vị tương tự là con gái của Thượng Đế.

Trong những nhóm tin tưởng có linh hồn, có những người giữ khái niệm là linh hồn chỉ hiện hữu

nơi người đàn ông mà không ở nơi phụ nữ. Nhưng ai cho rằng phụ nữ có linh hồn lại không có lòng tin rằng linh hồn của phụ nữ không bao giờ có thể tìm thấy một chỗ trên thiên đàng sau khi chết. Đó là một số niềm tin lạ lùng cho thấy rõ ràng bản chất của sự kỳ thị phụ nữ lan tràn trên thế giới này.

Phụ nữ được gán cho những đức tính xấu nhất của nhân loại. Họ bị coi như là nguồn gốc của tội lỗi trên thế giới, thậm chí đến nỗi bị quả trách vì những bất hạnh mà người đàn ông phải đương đầu trên thế giới này và cả thế giới bên kia !

### **Nghi Thức và Nghi Lễ**

Trong một số giáo phái, phụ nữ bị cấm không được thi hành một số nghi thức và nghi lễ trên cơ sở vì họ là đàn bà ! Có một thời kỳ họ bị cấm không cho đọc kinh! Hình phạt với những người không tuân theo là bị cắt lưỡi. Ngoài ra, họ còn bị làm cho nản trí để không vào các nơi thờ cúng. Ngay cả khi họ được phép tham gia tu tập, sự tham gia chỉ được hạn chế tại nhà riêng, liên quan đến các lễ nghi trong gia đình. Ngay hiện tại, tuy nhiều chương ngại đã được dẹp, những trở lực và bế tắc trong việc nâng

cao ánh sáng trí tuệ và tinh thần phụ nữ vẫn hiển hiện hữu trong nhiều mức độ .

### **Ranh Giới Giữa Nam và Nữ**

Theo lịch sử, thái độ xã hội đối với phụ nữ có thể truy nguyên từ thời tiền Phật Giáo vào thời văn hóa Vệ Đà lúc sơ khai chẳng hạn như Rigveda. Có bằng chứng cho thấy danh dự và kính trọng mà người phụ nữ trước đây được hưởng trong nhà. Từ góc độ đạo giáo, phụ nữ có thể tiếp cận kiến thức cao nhất của cái tuyệt đối hay Brahma (Thánh Thiện). Tuy nhiên, thái độ phóng khoáng này thay đổi với thời gian. Đó là do ảnh hưởng và địa vị thống trị của các thầy tu và việc tập tục nghi lễ như thủ đoạn của các thầy tu này và việc đem hy sinh súc vật. Kinh thánh được giải thích theo cách mới, và nữ giới được coi như thấp hơn nam giới cả về tinh thần lẫn vật chất.

Lằn ranh giới giữa người đàn ông và người đàn bà biểu hiện trong phạm vi xã hội và gia đình, nơi phụ nữ tương đối thấp hơn. Chẳng hạn, phụ nữ bị hạ giá coi như một sở hữu như một đồ vật. Địa vị của phụ nữ là ở nhà, và bị điều động theo sở thích và

ý muốn nhất thời của người chồng. Phụ nữ không những phải làm các việc lật vật trong gia đình mà cũng còn phải lo toan đại gia đình. Thí dụ, một số Bà La Môn lấy vợ và sống với vợ, nhưng lại cho rằng các đồ ăn nấu bởi người vợ bất tịnh không đáng ăn ! Từ những trường hợp như vậy, một huyền thoại được xây dựng. Phụ nữ bị bêu xấu là tội lỗi, người ta nghĩ rằng đường lối duy nhất để họ khỏi làm điều ác là làm cho họ luôn luôn bận bịu với nhiệm vụ làm mẹ và những bốn phận trong gia đình.

Có một niềm tin là phải có một đứa con để nối dõi tông đường thi hành các "lễ nghi cho tổ tiên". Niềm tin truyền thống này cho là chỉ có con trai mới gánh vác được những nghi thức mà họ nghĩ rằng cần thiết hầu đem an lạc và an ninh cho cha ông sau khi chết. Cũng có niềm tin cho rằng người đã chết có thể trở về thành ma quỷ để hãm hại gia đình. Cho nên khả năng để sinh con trai hết sức là quan trọng với một phụ nữ thành gia thất. Mặt khác nếu người đàn bà không có con, hay không sanh được con trai, người đó sẽ bị thay thế bằng một người vợ thứ hai hay thứ ba - thậm chí phải ra khỏi nhà vì niềm tin ấy! Xét từ góc độ tầm quan trọng liên hệ đến việc

sinh con trai với một phụ nữ có gia đình, chúng ta hiểu đời sống của một người có gia đình thật bất trắc tùy thuộc vào việc người ấy có sinh được con trai không ! Tuy nhiên điều này không có nghĩa là đời sống phụ nữ không chồng ít bất trắc gì hơn những người chị có gia đình của họ. Hôn nhân được coi như một phước báu thiêng liêng. Nhưng một người con gái không lấy chồng bị khinh miệt bởi xã hội và là mục tiêu cho họ công kích.

Về tinh thần, trong lãnh vực tu tập tôn giáo, địa vị mà phụ nữ đã có lần được hưởng cũng bị khước từ. Theo họ, họ tin là phụ nữ không có khả năng lên thiên đường dù có công đức. Hơn nữa, phụ nữ không thể tự mình thờ cúng. Họ cũng tin rằng phụ nữ chỉ có thể lên thiên đường khi phục tùng tuyệt đối người chồng - thậm chí nếu người chồng là một người ác. Đồ ăn do người chồng ăn dư còn lại thường là đồ ăn của người vợ. Những thí dụ trên đây cho thấy mức độ bất bình đẳng giữa nam và nữ giới.

### **Địa Vị Của Người Phụ Nữ Được Tuyên Bố Bởi Đức Phật**

Trái ngược với những tập quán mù quáng căn

trở sự phát triển tinh thần như vậy, Phật Giáo có thể được cho là ít kỳ thị nhất trong thái độ đối với phụ nữ. Không có chút nghi ngờ gì cả Đức Phật là vị đạo sư đầu tiên cho phụ nữ cơ hội bình đẳng, giải phóng trong lãnh vực phát triển tinh thần. Tuy rằng đôi khi Ngài cũng có nói đến khuynh hướng tự nhiên và những nhược điểm của phụ nữ nói chung. Nhưng Ngài cũng ngợi khen tài năng và khả năng của nữ giới. Ngài thực sự dọn đường cho phụ nữ tiến đến một đời sống tôn giáo hoàn toàn. Điều này ngụ ý, phụ nữ có thể phát triển và thanh tịnh tâm mình như nam giới và đạt hạnh phúc Niết Bàn như nam giới. Điều này được chứng minh nhiều bởi những lời chứng của các Nữ Tu Sĩ (Ni Giới) trong thời Đức Phật.

Lời dạy của Đức Phật đã có tác động lớn quét sạch những niềm tin dị đoan và những nghi thức và nghi lễ vô nghĩa - gồm cả sự hiến tế súc vật khỏi tâm của nhiều người. Khi Đức Phật khám phá ra bản chất thực sự của đời sống và cái chết, giải thích về hiện tượng tự nhiên vận hành vũ trụ cho những người này, họ bắt đầu hiểu. Kết quả là chấm dứt và sửa chữa những bất công và thành kiến đang lan tràn trong xã hội. Như vậy khiến người phụ nữ sống cuộc đời theo đường lối riêng của mình.

Mặc dầu Đức Phật đã nâng cao địa vị của Phụ nữ trong xã hội, Ngài cũng vẫn vạch ra những dị biệt về xã hội và tâm lý hiện hữu giữa nam và nữ giới. Điều này chứng tỏ đường lối của Đức Phật rất thực tế do sự quan sát của Ngài. Lời khuyên của Ngài, đưa ra đôi lúc trong ánh sáng của sự quan sát của Ngài rất thực tiễn. Nhiều trường hợp này đã được miêu tả rõ ràng trong các Kinh *Anguttara Nikaya* và *Samyutta Nikaya*. Được ghi nhận rằng bốn phận người đàn ông là tìm kiếm kiến thức không bao giờ chấm dứt. Người đàn ông phải cải tiến và ổn định kỹ năng và tài thủ công nghệ và chuyên cần vào công việc của mình. Người ấy cũng phải có khả năng tìm ra những phương tiện để duy trì và giữ vững gia đình. Mặt khác, bốn phận của phụ nữ là coi sóc nhà cửa và chồng.

Kinh *Anguttara Nikaya* chứa đựng lời khuyên rất có giá trị cho những người con gái trước khi đi lấy chồng. Nhìn thấy trước những khó khăn phát xuất với bên chồng, Đức Phật đã đưa ra những lời khuyên về mọi mặt đối với cha mẹ chồng, phục vụ cha mẹ chồng trong tình thương yêu như chính cha mẹ mình. Người vợ cũng phải trân trọng và kính nể thân quyến và bè bạn bên chồng như vậy bầu không khí thuận thảo và hạnh phúc sẽ được tạo nên trong gia đình khi mới về nhà chồng. Họ cũng được khuyên dạy phải tìm hiểu bản tính người chồng, xác định

hoạt động, tính nết, tâm tính của chồng, và trở nên luôn luôn hữu ích và cộng tác khi mới về nhà chồng. Họ nên lễ phép, tử tế và ý tứ trong sự giao tế với người làm. Người vợ phải dành dụm tiền kiếm được của người chồng và phải biết sự chi tiêu trong gia đình cần được tính toán và duy trì. Đó là lời khuyên có giá trị vô tận của Đức Phật.

Đức Phật cảm nhận an lạc và hòa hài trong gia đình ở một mức rộng lớn là do người đàn bà. Ngài cho Phụ nữ lời khuyên về vai trò trong đời sống lứa đôi rất chính xác và thực tiễn. Ngài liệt kê một số các đức tính tốt hàng ngày mà người phụ nữ nên làm hay không nên làm. Vào nhiều dịp, Đức Phật khuyên người vợ :

- không nên nuôi tư tưởng tội lỗi đối với chồng;
- Không nên độc ác, thô bạo hay lấn át chồng;
- không nên phung phí mà nên tần tảo tận sức trong phạm vi lợi tức kiếm được;



- nên canh chừng và gìn giữ tài sản và của cải do người chồng vất vả kiếm được;
- luôn luôn đức hạnh và trong sạch trong tâm và hành động;
- phải trung thành và không nuôi tư tưởng hay hành động ngoại tình nào;
- phải nên cẩn trọng về lời nói và lễ phép trong hành động;
- phải nên tử tế, cần cù và siêng năng;
- phải nên quan tâm và từ bi với chồng và thái độ đối xử với chồng phải như người mẹ thương yêu và bảo vệ đứa con trai của mình;
- phải nên nhũn nhặn và lễ độ;
- phải nên trầm tĩnh, bình tĩnh và hiểu biết - phục vụ không những như một người vợ mà cũng như người bạn và người cố vấn cho chồng khi cần thiết.

Trong thời Đức Phật tại thế, các đạo sư các tôn giáo khác cũng nói về bổn phận và nghĩa vụ của

người vợ đối với người chồng. Họ nhấn mạnh đến bốn phận đặc biệt của người phụ nữ là phải sinh con cho người chồng và phục vụ chồng trung thành, tạo hạnh phúc gia đình. Điều này cũng tương tự quan điểm của Đạo Khổng. Tuy nhiên, bốn phận của người vợ đối với chồng đặt ra bởi tiêu chuẩn kỹ luật của Đức Khổng Tử lại không nhấn mạnh đến bốn phận và nghĩa vụ của chồng đối với vợ.

Lời dạy của Đức Phật không thiên vị về phía người chồng. Trong Kinh Sigalovada, Đức Phật nói rõ ràng cả bốn phận của người chồng đối với vợ và ngược lại. Về phần người chồng, người chồng phải trung thành, lịch sự và không khinh miệt. Bốn phận người chồng là trao quyền cho người vợ; và thỉnh thoảng cung cấp đồ trang sức cho vợ. Cho nên, chúng ta chứng kiến thái độ vô tư biểu lộ bởi Đức Phật đối với cả nam lẫn nữ giới.

Đức Phật cũng chỉ rõ những điều cần trở và bất lợi mà người đàn bà phải chịu. Chẳng hạn như gian nan và khổ cực lúc phải xa nhà vào ngày cưới để về nhà chồng và nỗi thương đau phải tự mình gánh chịu để thích nghi với môi trường mới đầy khó

khăn và trở ngại. Thêm vào đó là cái đau đớn và đau tâm sinh lý mà người đàn bà phải chịu đựng trong lúc kinh kỳ, mang thai và sanh nở. Tất cả những điều này tuy là những hiện tượng tự nhiên chỉ miêu tả những dị biệt bất lợi và hoàn cảnh xảy ra giữa người đàn ông và người đàn bà.

Lời dạy của Đức Phật về bản chất thực sự của cuộc sống và cái chết - về nghiệp và về những nẻo luân hồi- đã thay đổi thái độ đối với phụ nữ trong thời kỳ đó. Điều này cũng đặc biệt như vậy đối với sự quan trọng lớn lao gắn với việc sanh con trai. Phật Giáo không bao giờ đồng quan điểm với quan điểm Bà La Môn là con trai cần thiết cho người cha để lên thiên đường. Đức Phật dạy theo Nghiệp Luật, ta phải chịu trách nhiệm về hành động và hậu quả của chính ta. Hạnh phúc của cha hay ông không tùy thuộc vào hành động của người con hay người cháu. Mỗi cá nhân phải chịu trách nhiệm về hành động của chính cá nhân ấy. Cho nên không có nguyên nhân nào cho người đàn bà lập gia đình phải lo âu chỉ vì không sinh được con trai để thi hành những nghi lễ cho tổ tiên. Điều này cũng có nghĩa con gái cũng tốt như con trai.

Có thể rằng trong thời kỳ đầu Phật Giáo, con gái không lấy chồng, không bị ngược đãi. Người con gái đó có thể ở nhà săn sóc đầy đủ cha mẹ, các anh em chị em còn nhỏ hơn mình. Người con gái đó có quyền sở hữu tài sản to lớn.

Đức Phật không gán sự quan trọng vào việc sinh con trai. Trong một dịp Hoàng Đế Kosola đang cùng với Đức Phật, thì được tin báo một đứa con gái của Hoàng Đế được sinh ra. Mong mỏi một con trai, Hoàng Đế không vui. Nhận biết như vậy, Đức Phật đã ca ngợi phụ nữ, nêu cao những đức hạnh của người phụ nữ như sau :

"Một số phụ nữ thực ra còn tốt hơn nam nhân

Hãy nuôi dưỡng bé gái, hỡi vị chúa công . Có những phụ nữ khôn ngoan, đức hạnh, được hết sức kính nể là bà mẹ vợ, là những người trong trắng.

Từ những người cao thượng như thế sanh đứa con trai dũng cảm, một chúa tể cả vương quốc, sẽ cai trị cả nước của vua."

Đức Phật mở cửa cho phụ nữ tham gia vào lãnh vực tôn giáo cho họ được nhập vào Đoàn thể Tỳ Kheo Ni, Đoàn Thể Ni Giới. Việc này mở rộng những con đường thành thang của văn hóa, xã hội và những

cơ hội về đời sống cộng đồng cho phụ nữ. Nó cũng dẫn đến công nhận hoàn toàn tầm quan trọng của phụ nữ trong xã hội, và làm như vậy nâng cao địa vị của người phụ nữ.

Mặc dù có một vài bình luận châm biếm có đề cập trong Tam Tạng Kinh Điển về những mưu chước và cách đối xử của Phụ nữ, nhưng Đức Phật cũng có ghi trong Kinh Samyutta Nikaya nhiều nét đặc biệt chuộc lỗi của họ. Được biết rằng trong một số hoàn cảnh, phụ nữ được coi như khôn ngoan và sáng suốt hơn nam giới, và phụ nữ cũng được coi như có khả năng chứng đắc hay đạt thánh quả sau khi tiến bước vào Bát Chánh Đạo cao quý. Mặc dù một số không vừa ý, qua sự quan sát kỹ lưỡng, chúng ta thấy những gì Đức Phật nói về phụ nữ vẫn có giá trị ngày nay. Vậy nên, trong việc bộc lộ bản chất của phụ nữ - như khi Đức Phật nói đến trường hợp Hoàng Đế Kosola sinh con gái thay vì con trai - Đức Phật không chỉ nhằm vào nhược điểm mà còn vào tiềm lực của phụ nữ.

Đức Phật cho thấy rõ ràng phụ nữ có khả năng hiểu biết giáo lý của Ngài và có thể tu tập giáo lý này để đạt tinh thần ở mức độ nào đó. Điều này cho thấy rõ ràng do lời khuyên của Đức Phật cho nhiều phụ nữ vào nhiều dịp và hoàn cảnh khác nhau. Đức

Phật dạy bài học vô thường cho Khema, người đẹp kiều kỳ tự đắc. Khema là vợ của Vua Bình Sa Vương. Lúc đầu bà này không chịu đến gặp Đức Phật vì bà này nghe thấy Đức Phật thường nhắc đến sắc đẹp bên ngoài bằng lời lẽ coi thường. Một hôm, bà ta ghé thăm tu viện chỉ để vãng cảnh. Dân dā, Bà bị lôi cuốn tới giảng đường nơi Đức Phật đang thuyết pháp. Đức Phật dùng thần thông biết được tư tưởng của Bà và tạo ảo ảnh một người mệnh phụ ngồi trước bà. Khema đang ngắm nghía sắc đẹp của mệnh phụ này thì Đức Phật biến người đàn bà này đang đẹp để thành người trung niên rồi thành người già, và cuối cùng tẻ xuống đất răng gãy, tóc bạc, và da nhăn. Sự thay đổi này khiến Hoàng Hậu Khema nhận thức được cái phù phiếm của sắc đẹp bên ngoài và cảm nhận thấy cái phù du của cuộc đời. Bà suy nghĩ : "Một thân hình như vậy mà trở thành tàn tạ như vậy sao ? thì thân hình của ta cũng sẽ như vậy ư. Nhận thức được hậu quả như vậy, Hoàng Hậu Khema đắc thánh quả A La Hán, và với sự đồng ý của Bình Sa Vương, Bà đã gia nhập Ni Đoàn Tỳ Kheo Ni.

Với các phụ nữ quá xúc động và đau buồn về sự mất người thân yêu, Đức Phật nói về sự không tránh khỏi cái chết như diễn tả trong Tứ Diệu Đế Cao Quý. Ngài cũng trích dẫn nhiều ngụ ngôn nhấn

manh về điểm này. Cho nên, với Visakha, một mệnh phụ đa sầu đa cảm có một đứa cháu chết, Đức Phật đã nói như sau :

"Từ thương yêu sinh sầu khổ,  
 Từ thương yêu sinh sợ hãi,  
 Với người không còn luyện ái,  
 Thì không còn sầu khổ, ít sợ hãi"

Sự thiết lập Đoàn Tỳ Kheo Ni - Ni Đoàn - vào năm hoàng pháp thứ năm của Đức Phật , dọn đường hoàn toàn tự do tôn giáo cho phụ nữ. Sự thành công với nhiều chư ni xuất sắc rất lấy lòng trong việc nghiên cứu và tu tập Giáo Pháp. Đứng về mặt thế giới, Phật Giáo vươn cao. Bài thánh ca về Chị Em (Therigatha) gồm có 77 bài thơ tác giả là các Ni là niềm tự hào của nền văn hóa Phật Giáo.

Các ni không bị giới hạn bởi Đức Phật trong việc dạy và thuyết giảng Giáo Pháp. Tỳ Kheo Ni Đoàn sản sinh một số các nhà dẫn giải Giáo Pháp và thuyết pháp lấy lòng như Sukha, Patacara, Khema, Dhammadinna, và Maha Pajapati (người mẹ nuôi dưỡng Thái Tử Tất Đạt Đa). Theo Phật

Giáo, con trai không phải là cần thiết để người cha để được lên thiên đường, con gái cũng tốt như con trai, nếu được tự do sống một cuộc đời độc lập. Cho phụ nữ được tích cực chia sẻ hoạt động vào đời sống tôn giáo, Đức Phật đã giúp đỡ nâng cao địa vị phụ nữ trong đời sống thế tục.

Tuy nhiên cho phép phụ nữ vào đời sống tôn giáo quả là quá tiến bộ trong thời ấy. Vì lẽ bản chất của sự cải tiến quá tiến bộ đối với sự suy nghĩ của thời đại ấy, người dân đã không thể tự thích nghi nên gây ra thoái trào. Cho nên Tỳ Kheo Ni Đoàn chỉ duy trì được một thời gian ngắn vì họ không làm chủ được tình hình. Những người Bà La Môn với ưu tiên của họ trong hệ thống đẳng cấp xã hội bị đe dọa cũng là một yếu tố khác làm suy yếu Ni Đoàn. Những người Bà La Môn này tuyên truyền chống đối "thái độ mới" cho phụ nữ tự do tôn giáo.

Tại Sri Lanka, Ni Đoàn phát triển cho đến năm 1017 Tây Lịch đời Hoàng Đế Mahinda IV. Sau đó Ni Đoàn tan rã và không còn tái lập được. Nhưng Ni Đoàn được giới thiệu vào Trung Hoa bởi những Ni Sinhalese, và vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay cũng giống như Nhật Bản. Tuy nhiên theo truyền thống Đại Thừa, ni giới chỉ đóng một vị trí phụ thuộc không thể bằng các tăng được.



### **Tiến Tới Bình Đẳng và Tự Do**

Sự tiến tới thời đại tiên tiến của thế kỷ thứ 19 và 20 khác xa thời Đức Phật. Giải phóng phụ nữ, tìm tự do và bình đẳng đạt được bước tiến dài, đặc biệt ở Tây Phương. Việc này do kết quả những xu hướng và tư tưởng hiện đại, và giáo dục tiên tiến cho phụ nữ ở tất cả địa vị học hành cao cấp.

Susan B. Anthony, người Hoa Kỳ tiên phong trong việc tranh đấu bình đẳng cho phụ nữ từ năm 1848, hơn 148 năm qua. Từ đó, các phong trào và tranh đấu với mục tiêu rộng lớn hơn, đã tiến lên với nhiều phụ nữ tiên phong và nhiều tổ chức phụ nữ. Những phụ nữ này tin tưởng là phái nữ có một vai trò trong tình đoàn kết ái quốc với phái nam góp phần xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn qua một xã hội và một quốc gia tốt đẹp hơn.

Từ năm 1848, có những phong trào bình dân được tổ chức để đòi hỏi giáo dục bình đẳng, quyền chính trị bình đẳng, và kinh tế bình đẳng cho phái nữ. Ở phương Tây, địa vị phụ nữ được nâng cao bởi những hoàn cảnh phát sanh bởi cuộc cách mạng công nghiệp, phong trào nhân đạo, và phong trào phụ nữ đòi bình đẳng. Nhưng, tại Á Châu và những nước khác, công nghiệp kém phát triển, những sự thay đổi

được đem đến do những nhà cải tổ có nguồn gốc tôn giáo.

Trong năm, sáu chục năm qua, có một sự gia tăng đều đều số phụ nữ tham gia vào kinh tế, xã hội cũng như đời sống chính trị tại các nước của họ. Sự thành công như vậy đạt được bởi phái nữ mới đây trong các lãnh vực- khoa học xã hội, kinh doanh, kinh tế và cả trong lãnh vực chính trị - được mô tả như phi thường. Mĩa mai thay, tuy một số phụ nữ đã tiến tới tốt cùng trên vũ đài chính trị như giữ chức thủ tướng tại nước của họ, nhưng tại một số nước khác, những phụ nữ đương thời lại chưa có quyền công dân - quyền bầu cử ! Mặc dù, hầu hết các nước bây giờ đã áp dụng thái độ công bằng hơn, và đã tạo những cơ hội về giáo dục và nghề nghiệp cho phụ nữ, kinh nghiệm không vừa ý và sự kỳ thị mà họ đã đưa lên với nhau cùng với sự ganh đua và sợ hãi vẫn là thái độ phổ biến ngày nay. Thực ra nếu nói là một số hình thức kỳ thị vẫn còn tồn tại đối với phái nữ là nói không đúng sự thật.

Hành động quốc tế nâng cao địa vị phụ nữ bắt đầu bằng một phương thức nhỏ bé với Hội Quốc Liên nay đã giải tán sau Thế Chiến Thứ Nhất. Sau này Hiến Chương Liên Hiệp Quốc đi xa hơn nữa qui định

nguyên tắc bình đẳng và tự do cho tất cả phụ nữ. Một Ủy Ban về thể chế phụ nữ, một cơ quan của Liên Hiệp Quốc điều tra vấn đề kỳ thị giới tính và bàn cãi về những câu hỏi liên quan đến quyền chính trị của phụ nữ; bình đẳng về lương bổng cũng như bình đẳng về việc làm, địa vị phụ nữ trong luật tập tục, quốc tịch phụ nữ khi lấy chồng; cơ hội giáo dục và kinh tế cho phụ nữ; giúp đỡ kỹ thuật và sự tham gia của phụ nữ.

Tuy nhiều việc đã được hoàn tất qua các phong trào phụ nữ đòi quyền bầu cử, những tổ chức phụ nữ quốc tế đấu tranh cho sự tham gia rộng rãi hơn của phụ nữ vào các lãnh vực xã hội, kinh tế, và chính trị, nhưng vẫn đề thực sự tự do vẫn chưa giải quyết được.

### **Tự Do Trong Ý Nghị Phật Giáo**

Tự do thực sự phải là tự do hoàn toàn thoát khỏi mọi hình thức của ràng buộc. Nó chỉ có thể đạt được do sự phát triển tinh thần đúng cách và thanh tịnh tâm của chính mình - tẩy sạch tất cả những dấu vết của tham sân si. Không có bàn luận công khai, biểu tình hay hiến chương quốc tế có thể mang lại tự do hoàn toàn. Những việc này chỉ có thể đạt

được do chuyên cần của chính mình và sự chú ý vào việc tu tập thường xuyên về thiền như Đức Phật dạy.

Đức Phật, trong khi xúc tiến nguyên nhân về phụ nữ, được coi như người đầu tiên giải phóng phụ nữ, và là người vận động cho lối sống dân chủ. Chính trong Giáo Pháp Phật Giáo, phụ nữ không bị khinh miệt và hạ phẩm giá mà địa vị còn được nâng lên như phái nam trong phương diện tinh thần cố gắng để đạt trí tuệ và giải thoát.